



Đại dịch COVID-19 và làng nghề gỗ: *Tác động, tính chính danh của hộ sản xuất và sự cần thiết về một chính sách bao trùm*



Tô Xuân Phúc - Cao Thị Cẩm - Trần Lê Huy

Lời cảm ơn

Báo cáo này là sản phẩm của Nhóm nghiên cứu giữa Forest Trends và Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định), Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ TP Hồ Chí Minh (HAWA), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Dương (BIFA) và Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Đồng Nai (DOWA). Nghiên cứu làm nền cho Báo cáo được thực hiện với nguồn kinh phí hỗ trợ từ Cơ quan Hợp tác Phát triển (DFID) của Chính phủ Anh và Cơ quan Hợp tác Phát triển của Chính phủ Na Uy (NORAD) thông qua Tổ chức Forest Trends. Xin trân trọng cảm ơn các hiệp hội và các tổ chức nêu trên. Các thông tin, nhận định và kiến nghị trong Báo cáo này là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của các hiệp hội và tổ chức này.

Mục lục

Tác động đại dịch COVID-19 tới các hộ làng nghề gỗ	1
1. Giới thiệu	2
2. Tác động của đại dịch COVID-19 tới các hộ tại 6 làng nghề khảo sát	3
2.1. Số hộ tham gia sản xuất	3
2.2. Lực lượng lao động của các hộ	4
2.3. Đầu ra sản phẩm, thu nhập và nguyên liệu đầu vào.....	6
2.3. Chi phí nguyên phụ liệu và cước vận chuyển.....	9
2.4. Nguồn vốn của hộ	11
2.5. Hỗ trợ của Nhà nước đối với các hộ và người lao động	12
3. Kiến nghị của các hộ làng nghề.....	13
3.1. Giảm lãi suất, giãn nợ.....	13
3.2. Giảm tiền thuê đất.....	13
3.3. Thay đổi đầu ra thị trường đầu ra sản phẩm.....	14
4. Tác động COVID-19, tính chính danh của hộ và sự cần thiết về một chính sách bao trùm.....	14
4.1. Làng nghề có vai trò quan trọng nhưng chưa được đánh giá đúng và đối xử công bằng	14
4.2. Đại dịch tác động tiêu cực tới các hộ nhưng hiện thông tin hạn chế	15
4.3. Các hộ làng nghề hiện đang thiếu tính chính danh.....	16
4.3. Các chính sách hỗ trợ hiện còn thiếu tính bao trùm	17
4.4. Các hoạt động cần thiết nhằm hỗ trợ làng nghề phát triển bền vững trong tương lai	18

Tác động đại dịch COVID-19 tới các hộ làng nghề gỗ

Con số trên 300 làng nghề gỗ trong cả nước với hàng chục nghìn hộ gia đình và hàng trăm nghìn lao động tham gia sản xuất kinh doanh cho thấy các làng nghề gỗ hiện nay có vai trò quan trọng về kinh tế và xã hội. Hiện làng nghề là nguồn cung chủ yếu các sản phẩm gỗ cho thị trường nội địa. Các biện pháp giãn cách nhằm kiểm soát dịch COVID-19 trong thời gian gần đây có tác động rất lớn tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ làng nghề. Khảo sát của Nhóm nghiên cứu tại 6 làng nghề gỗ vùng Đồng bằng sông Hồng (Đồng Ky, Hữu Bằng, La Xuyên, Liên Hà, Thụy Lâm và Vạn Điểm) nơi sản xuất chế biến gỗ đóng vai trò chính trong nguồn thu của hộ cho thấy quy mô của tác động của dịch COVID-19 tới các hộ như sau:

- Năng lực sản xuất của các hộ đã giảm 62%. Phần 38% còn lại là phần mới được phục hồi sau khi các địa phương nới lỏng giãn cách trong một vài tuần trở lại đây. Trong số 6 làng nghề khảo sát công suất nơi cao nhất hiện đạt 50% (Thụy Lâm) và nơi thấp nhất chỉ đạt 30% (Đồng Ky, Hữu Bằng).
- Khoảng 46% số hộ tại các làng đã quay trở lại sản xuất, tuy nhiên các hoạt động này chỉ mang tính chất “cầm chừng” với mục đích “làm để giữ thợ” và “lấy công làm lãi” mà không có lợi nhuận. Làng có số hộ quay lại sản xuất cao nhất đạt 80% (La Xuyên) và làng thấp nhất chỉ đạt 30% (Đồng Ky)
- Lực lượng lao động tại các làng nghề suy giảm nghiêm trọng, đặc biệt là nhóm lao động tự do từ các nơi khác tới làm thuê cho các hộ tại đây. So với trước giãn cách, lượng lao động làm thuê tại các làng nghề giảm 73%, lao động của bản thân hộ giảm 36%. Các hộ sản xuất phải giảm lượng lao động đi thuê nhằm giảm chi phí sản xuất. Ngoài ra, các biện pháp giãn cách làm đứt nguồn cung lao động do công nhân ở địa bàn khác không thể di chuyển tới làng nghề.
- Đầu ra sản phẩm của các hộ giảm khoảng 76%, thu nhập của hộ giảm gần 90%, nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào cho sản xuất giảm 68% do không tiêu thụ được sản phẩm đầu ra. Ở một số nơi như Đồng Ky, Liên Hà, La Xuyên lượng sản phẩm bán ra giảm 80-90%, tương ứng với mức sụt giảm về nguồn thu của hộ.
- Chi phí nguyên phụ liệu đầu vào cho sản xuất tăng. Giãn cách làm cước vận chuyển và giá phụ liệu tăng bình quân khoảng 20-25%, trong khi chi phí gỗ nguyên liệu đầu vào tăng khoảng 5-10%.
- Trên 70% số hộ vay vốn để sản xuất kinh doanh. Hoạt động sản xuất đình trệ, nguồn thu bị mất hoặc sụt giảm tạo ra sức ép về các khoản vay rất lớn cho các hộ. Trước sức ép trả lãi suất ngân hàng và để tránh rơi vào danh sách hộ nợ xấu, một số hộ phải đi vay “tín dụng đen” với lãi suất cao hơn nhiều so với lãi suất ngân hàng để trả lãi và các khoản vay đến hạn phải trả, trước khi có được các khoản vay mới từ ngân hàng. Điều này tiềm ẩn rủi ro rất lớn đối với hộ.

Từ đầu tháng 7 năm 2021 đến nay Chính phủ ban hành 2 nghị quyết (Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2021 và Nghị quyết 105/NQ-CP ngày 9 tháng 9 năm 2021) nhằm hỗ trợ các nhóm đối tượng chịu tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19.¹ Tuy nhiên, các hộ sản xuất tại các làng nghề khảo sát không tiếp cận được với nguồn hỗ trợ này. Nguyên nhân chính là bởi các hộ không có đăng ký kinh doanh, không đăng ký thuế do vậy các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ không được các cơ quan quản lý công nhận một cách chính thức. Kết quả là hộ nằm ngoài tiêu chí được hỗ trợ được quy định trong các nghị quyết nêu trên.

¹ Chi tiết nội dung của Nghị quyết 68/NQ-CP xem tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-quyet-68-NQ-CP-2021-chinh-sach-ho-tro-nguoi-lao-dong-su-dung-lao-dong-gap-kho-khan-dich-COVID19-479816.aspx>. Chi tiết Nghị quyết 105/NQ-CP xem tại: <https://luatvietnam.vn/doanh-nghiep/nghi-quyet-105-nq-cp-chinh-phu-209034-d1.html>.

Hiện còn thiếu các tổ chức đại diện hiệu quả cho các hộ tại các làng nghề. Điều này làm làm cho kết nối giữa làng nghề và các cơ quan liên quan, bao gồm các cơ quan quản lý, hiệp hội gỗ, các tổ chức phát triển lòng lẻo. Sự lỏng lẻo này hình thành cách hiểu chưa đúng về vai trò và vị thế của các hộ làng nghề và làm mất cơ hội tiếp cận với các nguồn lực phát triển cho hộ.

Với vai trò quan trọng của các hộ tại các làng nghề hiện nay, Chính phủ nên điều chỉnh lại các tiêu chí hỗ trợ theo hình thức bao trùm hơn, đảm bảo các hộ tại làng nghề có thể tiếp cận được với các nguồn hỗ trợ này và không bị bỏ lại phía sau như mục tiêu mà Chính phủ đề ra. Trong tương lai, Chính phủ nên đẩy mạnh việc trợ giúp các hộ chuyển đổi từ hình thức không chính thức như hiện nay sang hình thức chính thức, giúp hộ có vị thế pháp lý rõ ràng. Chuyển đổi với các lợi ích rõ ràng, phù hợp với bối cảnh của hộ sẽ thu hút được sự tham gia của hộ. Chuyển đổi giúp hộ tiếp cận được với các nguồn lực của nhà nước và của xã hội để phát triển mà còn giúp cho các cơ quan nhà nước quản lý được hoạt động của làng nghề tốt hơn trong tương lai.

1. Giới thiệu

Đại dịch COVID-19 đã và đang tác động tới tất cả các hoạt động kinh tế và đời sống xã hội, bao gồm các doanh nghiệp ngành gỗ. Đứt gãy chuỗi cung, thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh thậm chí đóng cửa, dòng tiền sụt giảm, người lao động mất việc là các khía cạnh tác động phổ biến của đại dịch tới các doanh nghiệp trong ngành.² Thời gian vừa qua, Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp ngành gỗ đã tích cực duy trì kênh kết nối thông tin nhằm cập nhật tình hình tác động của dịch bệnh tới hoạt động của doanh nghiệp. Các thông tin này có ý nghĩa quan trọng cho Chính phủ hình thành các cơ chế, chính sách mới nhằm hỗ trợ doanh nghiệp giảm thiểu khó khăn và chuẩn bị tâm thế cho việc quay trở lại sản xuất khi dịch bệnh được kiểm soát.

Các làng nghề gỗ truyền thống (làng nghề gỗ) là một hợp phần quan trọng của ngành gỗ hiện nay bởi đây là nguồn cung quan trọng nhất về sản phẩm gỗ cho thị trường nội địa. Việt Nam hiện có khoảng trên 300 làng nghề gỗ với hàng nghìn hộ gia đình và hàng trăm nghìn lao động đang tham gia các hoạt động sản xuất kinh doanh tại đây.³ Các con số này cho thấy vai trò quan trọng của làng nghề này về kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, khác với lượng thông tin dày đặc về tác động của đại dịch tới các doanh nghiệp ngành gỗ, thông tin về tác động của đại dịch tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ, bao gồm lao động tại làng nghề gỗ hầu như không tồn tại. Khác với các kết nối trực tiếp và thường xuyên giữa Chính phủ bao gồm cả người đứng đầu Chính phủ và đại diện doanh nghiệp ngành gỗ, kết nối giữa các cơ quan quản lý với các hộ làng nghề gỗ rất lỏng lẻo. Lỗ hổng về mặt thông tin về làng nghề gỗ và thiếu kênh kết nối hiệu quả giữa làng nghề và cơ quan quản lý làm cho vai trò và vị thế của các làng nghề trở nên mờ nhạt trong xã hội. Kết nối lỏng lẻo giữa các hộ và các cơ quan quản lý cũng hạn chế tiếp cận thông tin của hộ với các cơ chế chính sách của Nhà nước có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ, bao gồm cả các nguồn lực hỗ trợ hộ phát triển sản xuất. Sự lỏng lẻo trong kết nối này cũng hạn chế hộ chuyển tải thông tin về tâm tư nguyện vọng của mình tới các cơ quan quản lý liên quan.

Nhằm cung cấp thông tin về tác động của dịch COVID-19 tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ làng nghề, Nhóm nghiên cứu của Forest Trends và các Hiệp hội gỗ tiến hành khảo sát nhanh đối với 6 làng nghề tại vùng Đồng bằng sông Hồng là vùng tập trung chủ yếu các làng nghề gỗ. Sáu làng nghề này

² <https://goviet.org.vn/bai-viet/tac-dong-cua-dai-dich-covid-19-toi-nganh-go-thuc-trang-8-thang-dau-nam-va-kich-ban-cho-cac-thang-cuoi-nam-2021-9384>.

³ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2021. Đề án Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021-2030.

bao gồm Đồng Kỵ (Tứ Sơn, Bắc Ninh), Hữu Bằng (Thạch Thất, Hà Nội), Vạn Điểm (Thường Tín, Hà Nội), Liên Hà (Đan Phượng, Hà Nội), La Xuyên (Ý Yên, Nam Định), và Thụy Lâm (Yên Mỹ, Hưng Yên). Các làng này được lựa chọn bởi đây là nơi có sự hiện diện đông đảo của các hộ tham gia sản xuất chế biến đồ gỗ phục vụ thị trường nội địa. Sản phẩm gỗ của các hộ tại đây được tiêu thụ tại nhiều địa bàn trong cả nước bao gồm các tỉnh phía Nam. Trong số 6 làng nghề khảo sát, 3 làng nghề nằm trong vùng giãn cách (Hữu Bằng, Vạn Điểm, Liên Hà), 1 làng nghề bị phong tỏa do có nhiều ca F0 (Thụy Lâm), 2 làng nghề còn lại (La Xuyên, Đồng Kỵ) không nằm trong vùng giãn cách và không bị phong tỏa tuy nhiên các hoạt động sản xuất của hộ cũng bị tác động trực tiếp, do khâu lưu thông nguyên liệu vật liệu, đầu ra sản phẩm và lao động bị ảnh hưởng do giãn cách. Sáu làng nghề này cũng là các địa bàn Nhóm nghiên cứu đã có các hoạt động nghiên cứu trước đó. Điều này giúp cho việc tiếp cận thông tin của Nhóm với các hộ tại các làng nghề này dễ dàng hơn. Do các hoạt động giãn cách không cho phép Nhóm thực hiện khảo sát trực tiếp tại các làng nghề, Nhóm thu thập thông tin từ hộ thông qua hình thức phỏng vấn qua điện thoại với các hộ. Bên cạnh việc trao đổi với đại diện các hộ sản xuất, hộ chuyên làm thương mại gỗ nguyên liệu, các cửa hàng bán sản phẩm đầu ra, Nhóm cũng phỏng vấn một số đại diện của các công ty chế biến. Ngoài ra, Nhóm cũng tổ chức một buổi tọa đàm trao đổi trực tuyến với đại diện của 2 công ty nhập khẩu gỗ nguyên liệu cung gỗ đầu vào cho làng nghề và đại diện lãnh đạo của 6 làng nghề nêu trên. Cuộc trao đổi có sự tham gia của đại diện Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST). Thu thập thông tin được tiến hành vào trung tuần tháng 9 năm 2021.

Nghiên cứu này có các mục tiêu sau:

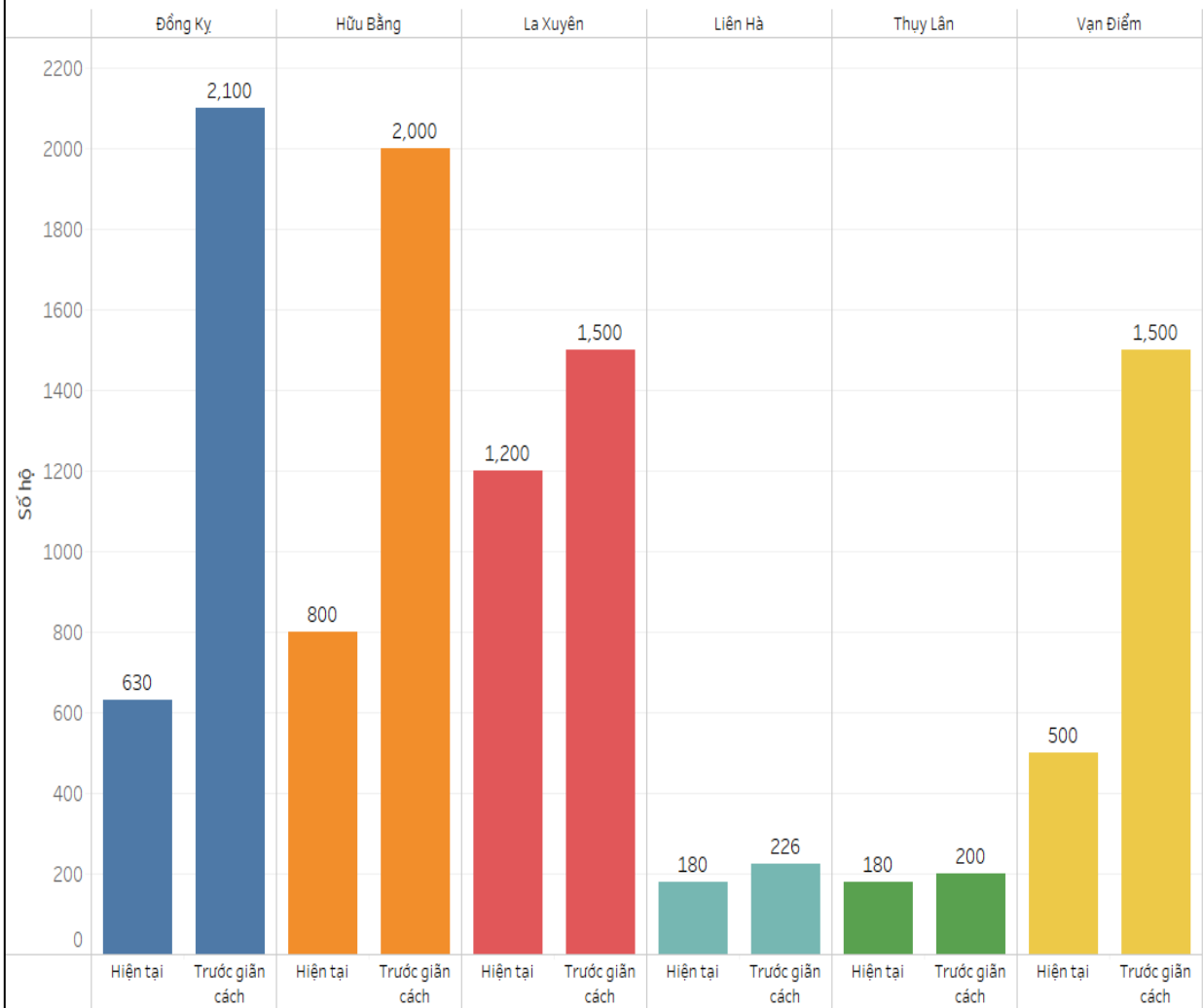
- Tìm hiểu thông tin về thực trạng tác động của đại dịch COVID-19 tới các khía cạnh thị trường đầu ra sản phẩm của hộ, thu nhập, lao động, tiếp cận vốn và nguồn nguyên phụ liệu của hộ.
- Tìm hiểu thông tin về tiếp cận của hộ (nếu có) về các cơ chế, chính sách hỗ trợ vừa qua của Chính phủ
- Thu thập thông tin về kiến nghị của các hộ tới các cơ quan quản lý và VIFOREST nhằm giúp hộ giảm thiểu tác động gây ra bởi đại dịch COVID-19 và giúp hộ phát triển bền vững trong tương lai.

2. Tác động của Đại dịch COVID-19 tới các hộ tại 6 làng nghề khảo sát

2.1. Số hộ tham gia sản xuất

Các hoạt động giãn cách trong thời gian gần đây đã làm gần 54% số hộ tại các làng nghề khảo sát phải ngưng sản xuất. Phần 46% còn lại là số hộ vừa mới quay trở lại khi các hoạt động giãn cách được nới lỏng. Đồng Kỵ và Vạn Điểm là 2 địa bàn có số hộ quay trở lại các hoạt động của mình thấp nhất, lần lượt ở mức là 30% và 33%. Các làng nghề như Liên Hà và đặc biệt là Thụy Lâm có tỷ lệ số hộ đang hoạt động gần như tương đương với số hộ tại thời điểm giãn cách. Điều này có thể là do quy mô về số hộ tham gia sản xuất cũng mạng lưới thị trường đầu ra sản phẩm của các làng này nhỏ hơn so với làng khác (xem thêm phân tích phần 2.2). Hình 1 chỉ ra số hộ tại mỗi làng tham gia vào khâu sản xuất trước thời điểm các hoạt động giãn cách và hiện nay.

Hình 1. Số hộ tham gia SX trước giãn cách và hiện nay



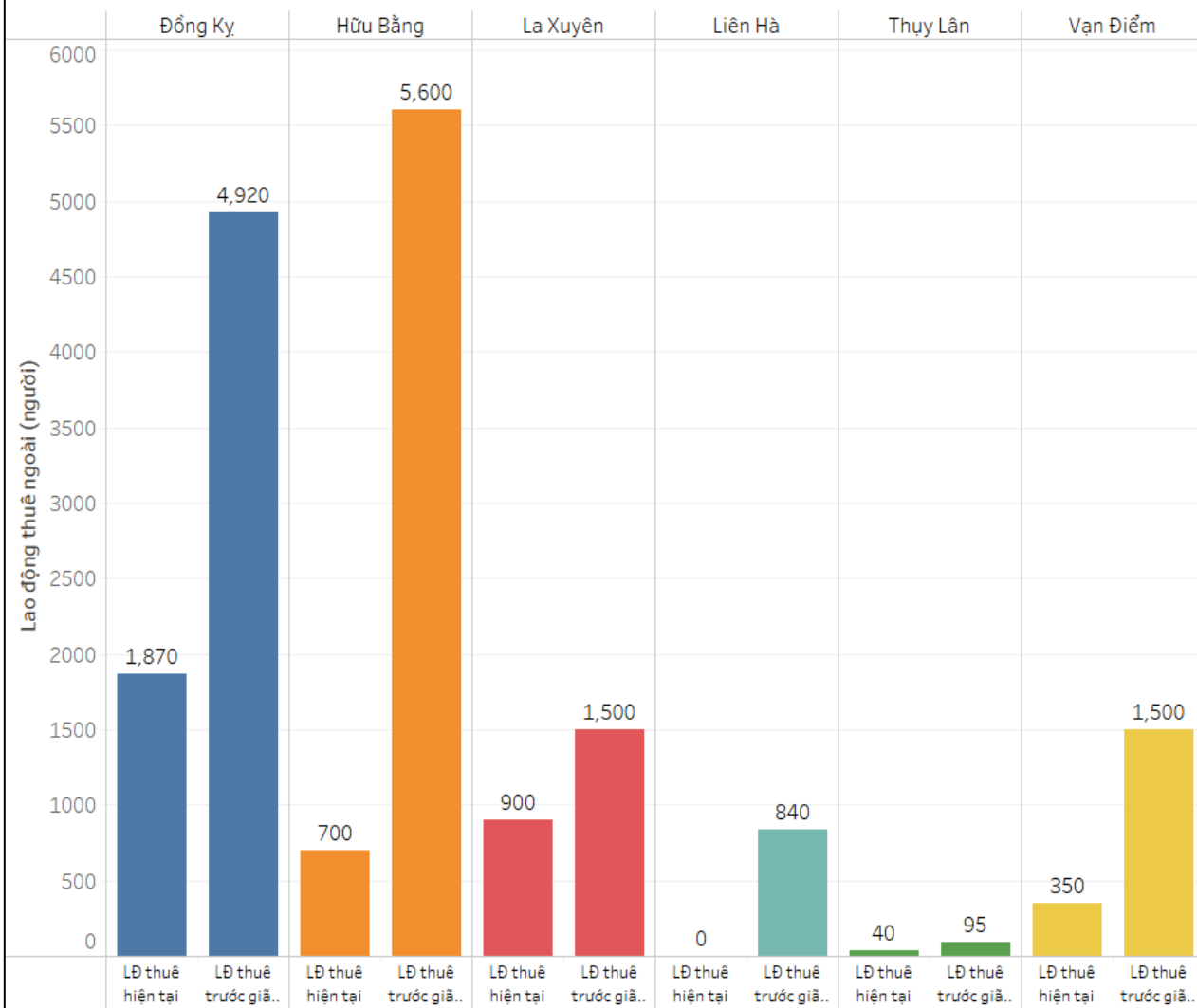
Nguồn: Khảo sát của nhóm Nghiên cứu

2.2. Lực lượng lao động của các hộ

Sự tồn tại và phát triển của các làng nghề phụ thuộc lớn vào nguồn lao động từ các địa phương khác. Các hộ thuê lao động từ bên ngoài, thông thường từ các địa bàn khác trong tỉnh, đôi khi từ các tỉnh khác. Số lao động này được kết hợp với nguồn lao động của chính hộ đảm nhận các hoạt động khác nhau. Một số làng nghề như Đồng Kỳ và Hữu Bằng phụ thuộc rất lớn vào nguồn lao động từ bên ngoài, với số lượng lao động đi thuê có thể gấp 3-4 lần lao động của bản thân hộ.

Khi các hoạt động giãn cách được áp dụng, các hộ phải dừng hoạt động hoặc giảm quy mô sản xuất, nguồn lao động đi thuê không còn việc làm. Kết quả là lượng lao động đi thuê tại 6 làng nghề hiện chỉ còn khoảng 27% so với lượng lao động trước giãn cách. Hữu Bằng và Đồng Kỳ là 2 địa phương có số lao động đi thuê giảm mạnh nhất (Hình 2).

Hình 2. Lao động hộ thuê ngoài trước giãn cách và hiện tại

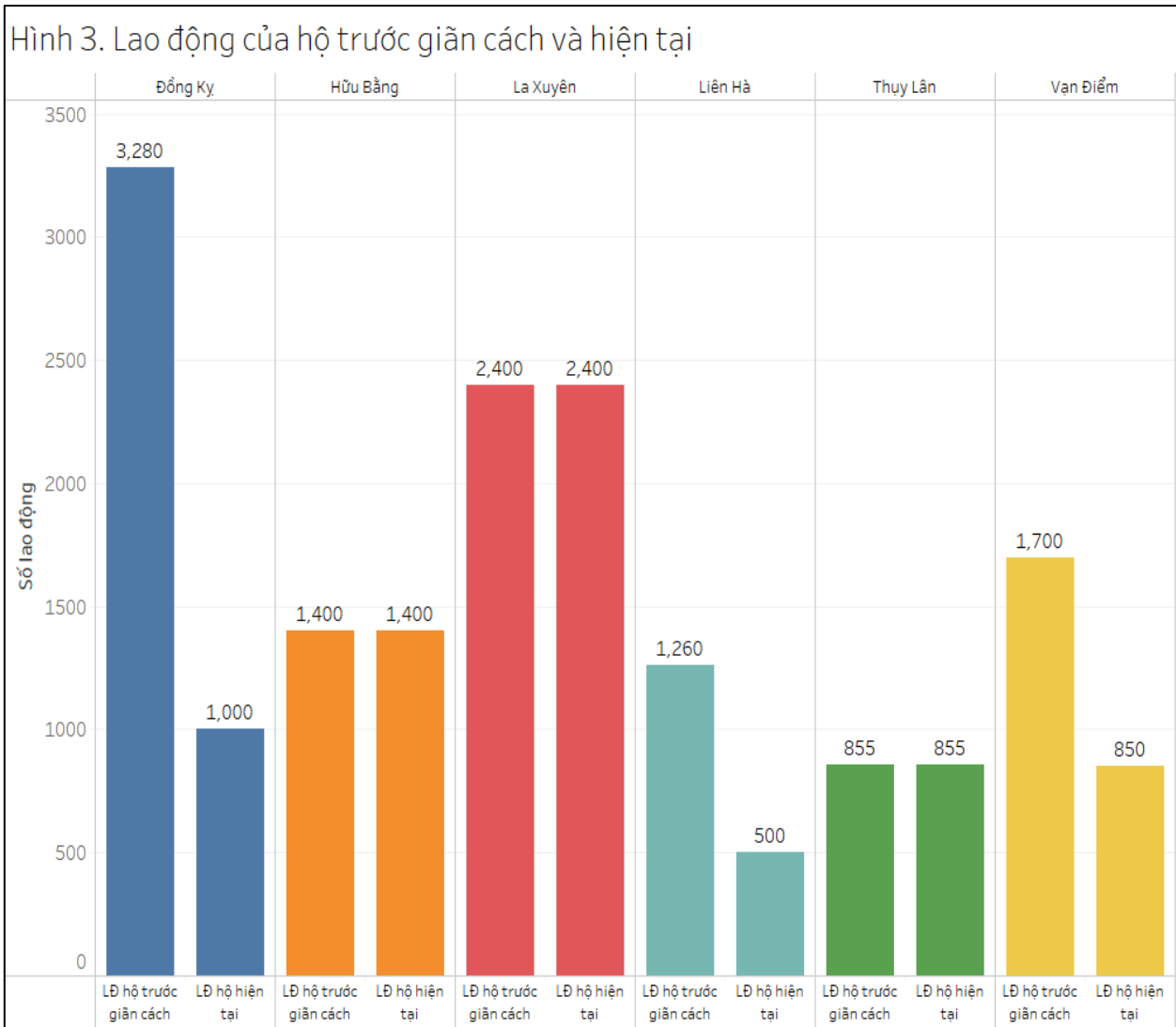


Nguồn: Khảo sát của nhóm Nghiên cứu

Lực lượng lao động làm thuê tại các làng nghề giảm không chỉ bởi các hộ giảm quy mô hoặc ngưng sản xuất, nhằm giảm chi phí đầu vào mà còn bởi các hoạt động giãn cách mặc dù đã được nói lỏng nhưng vẫn chưa cho phép người lao động di chuyển tự do tới các làng nghề.

Trong khi lực lượng lao động hộ đi thuê giảm mạnh, lực lượng lao động của hộ nhìn chung không có những biến động mạnh. Các địa bàn như Hữu Bằng, La Xuyên và Thụy Lân (Hình 3), lao động của hộ tham gia sản xuất kinh doanh không thay đổi khi các địa phương này thực hiện các hoạt động giãn cách hiện nay. Điều này cho thấy một trong những đặc điểm quan trọng của sản xuất kinh doanh của các hộ làng nghề là khi sản xuất kinh doanh của hộ gặp khó khăn, các hộ vẫn duy trì lao động của mình mà không nhất thiết tính hiệu quả kinh tế về đầu tư lao động của chính hộ mình vào các hoạt động duy trì sản xuất kinh doanh. Do các hoạt động này là nguồn sinh kế chính của các hộ và duy trì đầu tư lao động của hộ giúp duy trì phần nào đó công suất sản xuất của hộ, giúp cho việc duy trì một phần gắn kết với thị trường đầu ra sản phẩm. Ngoài ra, đầu tư lao động của hộ nhằm duy trì sản xuất cũng giúp hộ chuẩn bị tâm thế để quay trở lại sản xuất một cách nhanh nhất khi dịch bệnh được kiểm soát.

Trong 6 làng nghề khảo sát, Đồng Kỵ, Liên Hà và Vạn Điểm là các làng có tỉ lệ lao động của hộ quay trở lại sản xuất thấp. Điều này có thể là do lượng sản phẩm đầu ra của các hộ tại các làng này tiêu thụ được chưa nhiều như các làng nghề còn lại. Một trong những nguyên nhân là do các mặt hàng gỗ của các hộ tại các làng này đặc biệt là tại Đồng Kỵ và Vạn Điểm thường là các mặt hàng gỗ quý, có giá trị cao, do vậy lượng tiêu thụ không nhiều. Một lý do khác có thể là do các hộ tại các làng nghề này còn có các hoạt động sinh kế khác, ví dụ như làm công nhân tại các khu công nghiệp nằm tiếp giáp với các làng nghề này và lao động của hộ đang được sử dụng cho mục đích này.



Nguồn: Khảo sát của nhóm Nghiên cứu

2.3. Đầu ra sản phẩm, thu nhập và nguyên liệu đầu vào

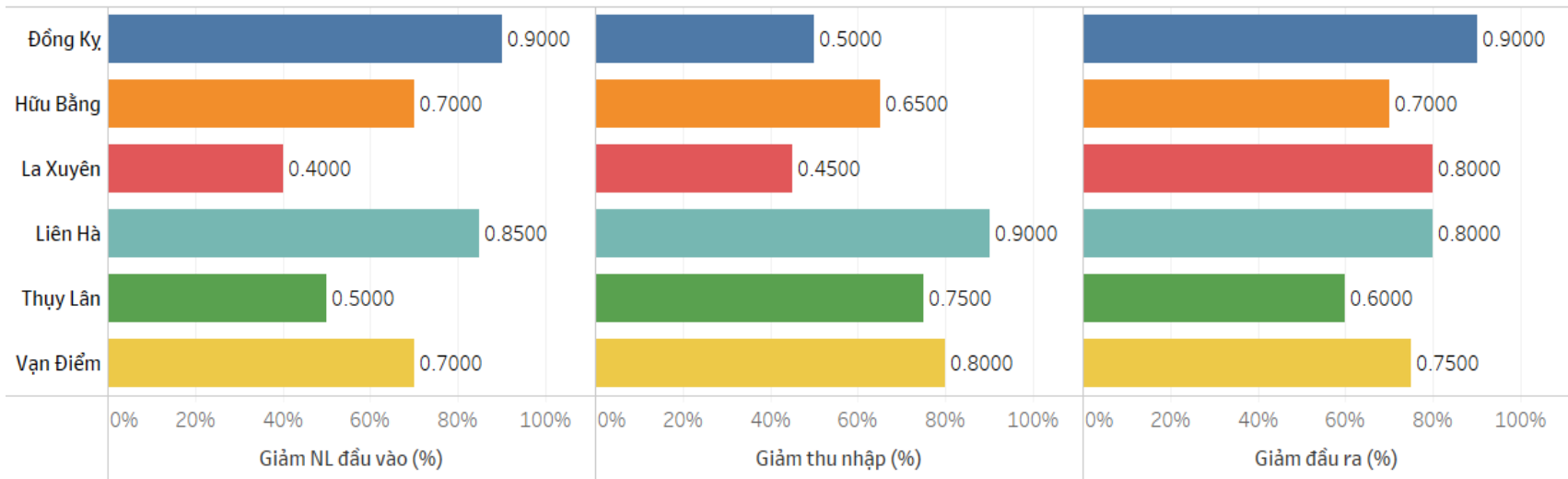
Đại dịch COVID-19 làm đầu ra tiêu thụ sản phẩm của hộ gặp phải khó khăn, điều này làm giảm nguồn thu của hộ và lượng nguyên liệu gỗ đầu vào (Hình 4). Thống kê từ các hộ tại 6 làng nghề khảo sát cho thấy đầu ra của các hộ giảm 76%, với tỷ lệ đầu ra giảm nhiều nhất tại Đồng Kỵ (90%). Sản phẩm của Đồng Kỵ tiêu thụ khó khăn bởi so với các làng nghề khác, sản phẩm của Đồng Kỵ có giá cao hơn rất nhiều so với sản phẩm của các làng nghề khác. Theo đại diện một số hộ Đồng Kỵ hiện 30% lượng sản phẩm của làng nghề được làm từ các loại gỗ quý có nguồn gốc từ Lào và Campuchia, 70% còn lại sản phẩm làm từ Châu

Phi nhập khẩu. Giá của các sản phẩm được làm từ gỗ nhập khẩu từ Campuchia và Lào cao hơn nhiều các sản phẩm làm từ gỗ Châu Phi. Trong bối cảnh dịch bệnh, cầu tiêu dùng về các sản phẩm đắt đỏ giảm. Thụy Lâm là nơi có tỷ lệ suy giảm sản phẩm đầu ra thấp nhất trong số các làng khảo sát. Một trong những lý do của thực trạng này có thể là do Thụy Lâm là làng nghề nhỏ (so với các làng còn lại), và các sản phẩm của Thụy Lâm chủ yếu (80%) là bán buôn, với đầu ra ổn định hơn so với các hộ tại các làng nghề khác.

Không tiêu thụ được sản phẩm đầu ra dẫn tới việc thu hẹp quy mô sản xuất, thu nhập của hộ giảm. Bình quân thu nhập của hộ tại các làng nghề khảo sát giảm gần 90% so với trước giãn cách. Liên Hà và Vạn Điểm là nơi thu nhập của hộ giảm mạnh nhất, lần lượt là 90 và 80%. Các hộ tại La Xuyên có tỷ lệ thu nhập giảm thấp nhất (45%).

Thu hẹp quy mô sản xuất cũng đồng nghĩa với việc giảm nguồn gỗ tiêu thụ đầu vào. Tính bình quân lượng gỗ đầu của các hộ giảm 68%. Đồng Kỵ là nơi các lượng gỗ đầu vào giảm mạnh nhất (90%), tiếp đến Liên Hà (85%), trong khi La Xuyên là nơi có có lượng nguyên liệu đầu vào giảm ít nhất (40%).

Hình 4. Giảm đầu ra sản phẩm, thu nhập và nguyên liệu đầu vào



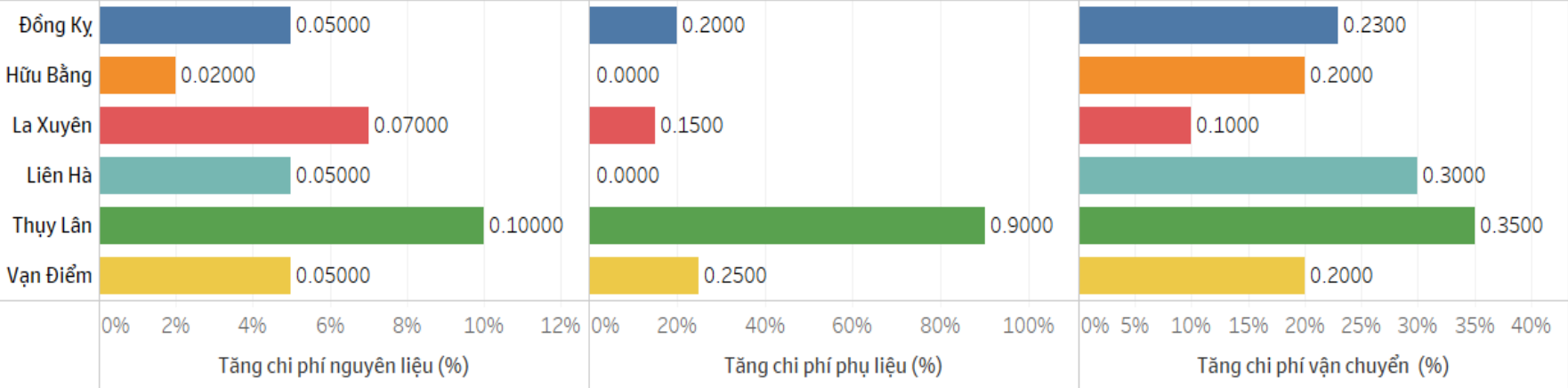
Nguồn: Khảo sát của nhóm Nghiên cứu

2.3. Chi phí nguyên phụ liệu và cước vận chuyển

Thông tin khảo sát từ các hộ cho thấy trong khi đầu ra tiêu thụ sản phẩm gặp phải khó khăn lớn, nguồn thu của hộ giảm mạnh thì các khoản chi vật tư nguyên liệu đầu vào và cước vận chuyển tăng (Hình 5). Chi phí phụ liệu đầu vào như sơn, đinh ốc vít... tăng mạnh nhất, bình quân khoảng 25% so với thời điểm trước giãn cách. Các hộ tại Thụy Lâm cho biết mức chi phí phụ liệu tăng cao nhất, khoảng 90% so với thời điểm trước giãn cách, đặc biệt là các loại sơn, trong khi các hộ tại Đồng Kỵ không ghi nhận mức chi phí về phụ liệu.

Chi phí vận chuyển đứng thứ 2 về tốc độ tăng, bình quân khoảng 23% so với trước giãn cách. Gia tăng chi phí vận chuyển chủ yếu là bởi chi phí phát sinh về kiểm tra xét nghiệm COVID-19 của chủ phương tiện vận chuyển, thời gian và công sức mà họ bỏ ra để xin giấy phép di chuyển giữa các địa bàn khi vận chuyển hàng hóa. Trong các làng nghề khảo sát, các hộ tại Thụy Lâm cho biết mức chi phí vận chuyển tăng cao nhất (35%), tiếp tiếp là Đồng Kỵ (30%). La Xuyên là nơi có chi phí vận chuyển tăng ở mức thấp nhất (10%). Chi phí vận chuyển tăng cũng làm cho chi phí nguyên liệu đầu vào tăng, tuy nhiên mức độ tăng về chi phí nguyên liệu (trung bình 8%) thấp hơn nhiều so với chi phí vận chuyển.

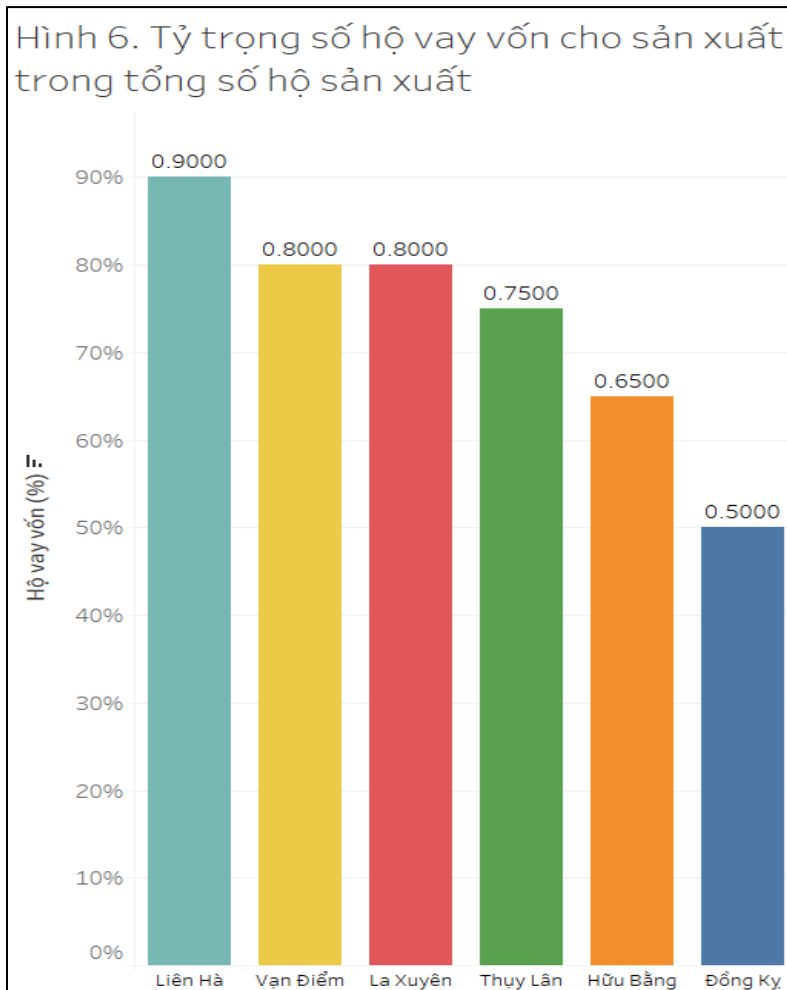
Hình 5. Mức tăng chi phí nguyên, phụ liệu và chi phí vận chuyển



Nguồn: Khảo sát của nhóm Nghiên cứu

2.4. Nguồn vốn của hộ

Vốn là một trong những yếu tố sản xuất đầu vào quan trọng nhất cho hoạt động sản xuất của hộ. Đồng Kỵ, La Xuyên, Vạn Điểm và Thụy Lâm là các làng nghề sử dụng chủ yếu là gỗ tự nhiên nhập khẩu từ Châu Phi. Đây thường là gỗ quý như Hương, Cẩm, Gõ... có giá cao. Ví dụ mỗi m³ gỗ Hương Châu Phi tại làng nghề có giá khoảng 20 -25 triệu đồng. Nhiều hộ tại Đồng Kỵ sử dụng gỗ từ Lào và Campuchia với mức giá còn cao hơn nhiều so với gỗ từ Châu Phi. Ví dụ mỗi m³ gỗ Hương từ Lào tại Đồng Kỵ giá khoảng 50-60 triệu đồng. Do vậy, hộ cần nguồn vốn lớn để mua gỗ nguyên liệu. “*Một bộ bàn ghế lên đến nửa tỷ đồng*” theo như Chủ tịch Hiệp hội gỗ Đồng Kỵ cho biết. Khi bán hàng, nhiều hộ mang hàng ra ký gửi tại các đại lý và chỉ nhận tiền khi hàng được bán. Điều này có nghĩa hộ cũng cần có vốn để chi trả cho các khoản chi phí khác như nhân công, phụ liệu...



Nguồn: Khảo sát của nhóm Nghiên cứu

Bình quân, 73% số hộ tại các làng nghề khảo sát phải vay vốn ngân hàng, với mức vốn vay tùy thuộc vào quy mô sản xuất của hộ vào tài sản thế chấp. Liên Hà là nơi có tỷ lệ hộ vay vốn lớn nhất (90% số hộ tham gia sản xuất) trong khi Đồng Kỵ có tỷ lệ hộ vay vốn thấp nhất (50%) (Hình 6). Các hộ có tài sản thế chấp, chủ yếu là đất thổ cư, có thể vay khoản vay lớn từ ngân hàng. Khoản vay này phụ thuộc vào giá trị của tài sản thế chấp. Theo Chủ tịch Hiệp hội gỗ Đồng Kỵ, bình quân mỗi hộ sản xuất tại đây vay khoảng 3 tỷ đồng từ các ngân hàng thương mại. Các hộ không có tài sản thế chấp có thể vay vốn ngân hàng qua hình thức

tín chấp, theo đó được các tổ chức cơ quan đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Chi hội làng nghề... đứng ra bảo lãnh các khoản vay. Hình thức tín chấp này chỉ cho phép hộ vay được tối đa 200 triệu đồng. Trưởng chi hội gỗ tại Thụy Lâm chia sẻ: “Hai trăm triệu đồng chỉ mua được 2 miếng gỗ.” Điều này cho thấy nguồn vốn cần thiết cho sản xuất của các hộ là rất lớn.

Các ngân hàng khác nhau áp dụng các mức lãi suất khác nhau, tuy nhiên hầu hết nằm trong khoảng từ 8,5 tới 10%/năm. Các ngân hàng thương mại có mức lãi suất cao hơn mức lãi suất của ngân hàng chính sách. Thông thường, các khoản vay của hộ có thời hạn khoảng 6 đến 12 tháng. Hết thời hạn này hộ phải hoàn trả các khoản vay và có thể vay lại các khoản vay mới. Nếu không có khả năng trả đúng hạn hộ có thể bị ngân hàng đưa vào danh sách nợ xấu và khó tiếp cận với các khoản vay trong tương lai.

Trong bối cảnh đầu ra sản phẩm không tiêu thụ được, sản xuất đình trệ, sức ép trả lãi suất ngân hàng và đặc biệt là các khoản vay đến hạn phải trả lên các hộ rất lớn. Thông tin khảo sát từ các hộ làng nghề cho thấy đến nay các ngân hàng chưa có động thái giãn nợ hoặc giảm lãi suất cho các hộ. Đối với các khoản vay đến kỳ hạn trả, nhiều hộ phải vay từ các nguồn khác như anh em, bạn bè để trả ngân hàng, từ đó mới có cơ hội tiếp cận với khoản vay mới. Một số hộ phải vay nóng từ nguồn “tín dụng đen” mới mức lãi suất cao, khoảng 3,5-4,5%/tháng. Tiếp cận với nguồn tín dụng đen, nhiều hộ phải trả từ 1-3 triệu đồng/tháng khi vay 100 triệu. Một số hộ góp vốn tham gia nhóm hụi và vay từ nguồn này với mức lãi suất 20-25%/năm. Tiếp cận với nguồn tín dụng đen hoặc sử dụng kênh theo nhóm hụi tiềm ẩn rủi ro rất lớn đối với hộ.

2.5. Hỗ trợ của Nhà nước đối với các hộ và người lao động

Các địa phương nơi có các làng nghề hiện đều đang áp dụng các cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do các hoạt động giãn cách. Nhưng đến nay toàn bộ các hộ và các doanh nghiệp tại các làng nghề chưa được tiếp cận với các nguồn hỗ trợ này. Nguyên nhân chính là bởi các hộ không đáp ứng được với các tiêu chí hỗ trợ mà địa phương đưa ra. Đại diện một hộ làng nghề tại Vạn Điểm chia sẻ để nhận được hỗ trợ các hộ phải có giấy phép kinh doanh và mã số thuế. Tuy nhiên thông thường chỉ có các công ty mới có mã số thuế. Hình thức phổ biến tại các làng nghề là hộ kinh doanh nhỏ lẻ, không đăng ký mã số thuế mà chỉ đóng lệ phí môn bài (thường được gọi là thuế môn bài) khoảng vài trăm nghìn/hộ mỗi năm, tùy thuộc vào doanh thu của hộ.⁴ Do không có mã số thuế, không có chứng nhận đăng ký kinh doanh, hộ không đủ tiêu chuẩn tiếp cận với các nguồn hỗ trợ. Tại Liên Hà, về lý thuyết các hộ cũng có thể tiếp cận với nguồn hỗ trợ của địa phương. Tuy nhiên, nguồn hỗ trợ này chỉ áp dụng đối với các hộ dừng sản xuất trong thời điểm dịch bùng phát, và để tiếp cận với nguồn hỗ trợ này thì hộ dừng sản xuất phải thực hiện việc khai báo với cơ quan quản lý địa phương. Theo hộ, không phải hộ nào cũng nắm được quy định này trong thời điểm dịch bùng phát. Các quy định phức tạp này cộng với các thủ tục rườm rà khác đã làm cho hộ không thể tiếp cận được với nguồn hỗ trợ này.

Tại một số nơi như Đồng Kỵ, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp cũng có thể nhận được hỗ trợ nếu doanh nghiệp phải đóng cửa. Song để nhận được hỗ trợ này, người lao động cần phải có hợp đồng lao động với doanh nghiệp và cần phải đóng bảo hiểm hàng tháng. Thực tế, hầu hết lao động làm việc tại các doanh nghiệp là lao động tự do và không có hợp đồng lao động, không đóng bảo hiểm do vậy không đáp ứng được với các tiêu chí để nhận hỗ trợ. Một chủ doanh nghiệp tại Đồng Kỵ chia sẻ: “[doanh nghiệp] không nhận hỗ trợ gì của Nhà nước do thủ tục phức tạp. Đối với công ty thì họ yêu cầu công nhân phải

⁴ Nghị định 139/2016/NĐ-CP ngày 4 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí môn bài đối với cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải đóng phí môn bài là 1 triệu đồng/năm nếu có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm, 500.000 đồng/năm nếu doanh thu từ 300-500 triệu đồng, 300.000 đồng/năm nếu doanh thu từ 100 đến 300 triệu. Hộ có doanh thu dưới 100 triệu/năm được miễn phí môn bài.

đóng bảo hiểm mới được hỗ trợ... kinh phí bỏ ra đóng bảo hiểm cho người lao động còn nhiều hơn kinh phí được hỗ trợ, do vậy không làm đơn xin hỗ trợ.” Điều này chỉ ra các lỗ hổng không phải chỉ trong các cơ chế chính sách và áp dụng các cơ chế chính sách này trong thực tế mà còn trong việc tuân thủ với các quy định của pháp luật của các hộ và các doanh nghiệp khi thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

3. Kiến nghị của các hộ làng nghề

Đại diện của các làng nghề được khảo sát cho biết đến nay các làng nghề chưa có bất cứ một kiến nghị nào với các cơ quan quản lý hoặc ngân hàng về các cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ các hộ giảm bớt khó khăn do đại dịch gây ra. Một trong những nguyên nhân chính là do các hộ làng nghề đến nay vẫn chưa có các tổ chức đại diện hiệu quả nhằm kết nối các hộ với các cơ quan quản lý. Các làng nghề như Đồng Kỵ, Liên Hà, Vạn Điểm, La Xuyên, Thụy Lâm ... đều đã thành lập các hội, chi hội đại diện cho các hộ. Tuy nhiên, hoạt động của chi hội chưa hiệu quả, thường tập trung vào trao đổi thông tin giữa các hộ thành viên. Các kết nối với bên ngoài, bao gồm kết nối với các cơ quan quản lý, các chi hội tại các địa phương khác, các tổ chức cơ quan đoàn thể, xã hội nghề nghiệp... hầu hết chưa có. Điều này không những hạn chế về thông tin đối với thành viên của chi hội, bao gồm cả những thông tin về cơ chế chính sách mới, mà còn làm mất cơ hội tiếp cận với các nguồn lực bên ngoài cộng đồng. Thêm vào đó, phần lớn các hộ tại làng nghề vẫn chưa tham gia chi hội, do vậy tiếp cận với thông tin và các nguồn lực hỗ trợ còn hạn chế hơn.⁵

Khảo sát với các hộ tại 6 làng nghề cho thấy các hộ có 3 kiến nghị chính, bao gồm kiến nghị về các khoản vốn vay, thuê đất và phát triển đầu ra sản phẩm, chuyển hướng kinh doanh. Các kiến nghị này có mục tiêu giảm khó khăn cho các hộ trong ngắn hạn (vốn, tiền thuê đất) và trong dài hạn (thay đổi phương thức kinh doanh).

3.1. Giảm lãi suất, giãn nợ

Giảm lãi suất, cho phép đáo hạn hay cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản vay đã tới hạn trả nợ là kiến nghị quan trọng, cấp thiết, phổ biến nhất đối với hầu hết các hộ tại các làng nghề khảo sát. Nhiều hộ làng nghề chia sẻ mức lãi suất phù hợp đối với hộ giai đoạn hiện nay, khi các hộ phải giảm quy mô, thậm chí dừng sản xuất, là khoảng 5%/năm, thay vì lãi suất 8,5-10% mà các ngân hàng hiện thương mại đang áp dụng.

Do không có nguồn thu, hộ không có khả năng trả các khoản vay đúng kỳ hạn. Các hộ kiến nghị các ngân hàng cho phép các hộ đáo hạn đối với các khoản vay đã đến kỳ hạn trả nợ. Biện pháp đáo hạn này không những giúp hộ giảm sức ép về vốn vay mà còn tránh được các rủi ro trong việc tiếp cận với nguồn “tín dụng đen” với lãi suất cao và rủi ro rất lớn đối với hộ.

3.2. Giảm tiền thuê đất

Trong các làng nghề được khảo sát Liên Hà và Vạn Điểm là nơi một số hộ tiếp cận được với nguồn quỹ đất sản xuất. Hàng năm, các hộ phải trả phí thuê đất cho các diện tích mà mình thuê. Ví dụ tại Liên Hà, nơi có cụm công nghiệp tập trung là nơi các hộ tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh, tiền thuê đất của các

⁵ Ví dụ Hội gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ hiện có trên 400 thành viên trong khi tổng số hộ tại làng nghề là trên 2000 hộ. Chi hội gỗ Thụy Lâm có 98 thành viên trong tổng số gần 200 hộ sản xuất đồ gỗ tại làng nghề này. Tại làng nghề gỗ Vạn Điểm có trên 1500 hộ sản xuất kinh doanh đồ gỗ nhưng Hội Gỗ Vạn Điểm chỉ có 200 thành viên. Làng nghề gỗ Hữu Bằng có trên 2000 hộ hiện chưa có hội hoặc chi hội gỗ.

hộ tại khu công nghiệp này là 21.000 đồng/m² mỗi năm. Theo các hộ chia sẻ, bình quân tiền thuê đất mỗi tháng của hộ là 6-10 triệu/hộ tùy theo diện tích thuê. Tại Vạn Điểm các hộ nằm trong cụm công nghiệp phải trả tiền thuê đất từ 20.000 – 30.000 đồng/m² tùy từng vị trí trong cụm.. Trong bối cảnh không có nguồn thu, số tiền thuê đất của các hộ là không nhỏ. Kiến nghị giảm hoặc miễn tiền thuê đất là phổ biến tại các làng nghề nơi các hộ tiếp cận được với quỹ đất thuê. Biện pháp này nếu được áp dụng sẽ giúp hộ giảm được sức ép về chi phí trong bối cảnh đại dịch.

3.3. Thay đổi đầu ra thị trường đầu ra sản phẩm

Đại dịch đã làm thay đổi cách suy nghĩ về các hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm hướng phát triển trong tương lai, ít nhất là đối với một số hộ có hướng tiên phong tại các làng nghề. Tại cuộc họp trao đổi giữa đại diện của 6 làng nghề với lãnh đạo của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST) ngày 14 tháng 9 vừa qua, đại diện các làng nghề bày tỏ mong muốn được VIFOREST và các bên liên quan khác hướng dẫn về thông tin nhằm chuyển đổi và phát triển thị trường sản phẩm theo hướng bền vững hơn trong tương lai. Mong muốn của đại diện các làng nghề là được hợp tác với các doanh nghiệp trong ngành nhằm biến các hộ của làng nghề trở thành một bộ phận của chuỗi cung, không chỉ cung các sản phẩm gỗ cho thị trường nội địa mà còn hướng tới xuất khẩu.

Hiện một số doanh nghiệp ngành gỗ đang kết hợp với các hộ làng nghề, điển hình là mô hình mà công ty Tân Vĩnh Cửu (TAVICO) đang thực hiện.⁶ Trong mô hình này, công ty phụ trách cung nguyên liệu gỗ đầu vào, tư vấn kỹ thuật để nâng cao chất lượng và mẫu mã sản phẩm, cung cấp không gian bán hàng cho các hộ và trực tiếp giúp các hộ tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, hình thức hợp tác này vẫn chưa phổ biến. Liên kết giữa các hộ làng nghề và các doanh nghiệp trong ngành gỗ hầu như chưa tồn tại.

Trong cuộc họp trao đổi nêu trên giữa VIFOREST và đại diện các làng nghề, các đại diện bày tỏ mong muốn được giao lưu kết nối nhiều hơn với các doanh nghiệp, nhằm tiếp cận với các nguồn thông tin bên ngoài về thị trường sản phẩm. Các đại diện cũng đề nghị đại diện của Hiệp hội và các doanh nghiệp tổ chức các cuộc tiếp xúc với các làng nghề, và dựa trên thông tin thực tế về các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ tư vấn cho hộ về định hướng đầu ra sản phẩm và phát triển thị trường trong tương lai.

4. Tác động COVID-19, tính chính danh của hộ và sự cần thiết về một chính sách bao trùm

4.1. Làng nghề có vai trò quan trọng nhưng chưa được đánh giá đúng và đối xử công bằng

Con số hàng chục nghìn hộ với hàng trăm nghìn lao động tham gia vào khâu sản xuất kinh doanh sản phẩm gỗ tại trên 300 làng nghề gỗ trong cả nước cho thấy tầm quan trọng của các làng nghề này về mặt kinh tế và xã hội. Tại nhiều làng nghề các hoạt động này không những đem lại nguồn thu chính cho các hộ tại đây mà còn tạo công ăn việc làm cho người lao động từ các địa phương khác. Hệ thống các làng nghề trong cả nước, tập trung nhiều ở các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng, đóng vai trò chủ đạo trong việc cung cấp các sản phẩm gỗ cho thị trường nội địa. Tuy nhiên, vai trò và tầm quan trọng của các làng nghề hiện chưa được đánh giá một cách đầy đủ và công bằng. Đến nay hầu như vẫn chưa có con số thống kê cụ thể, rõ ràng về hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ thuộc hệ thống các làng nghề gỗ. Các làng nghề hầu

⁶ Thông tin chi tiết về Công ty xem tại: <https://www.tavicowood.com/>. Thông tin liên kết giữa Công ty và làng nghề xem tại: <https://goviet.org.vn/bai-viet/lien-ket-trong-nganh-che-bien-go-tang-cuong-co-hoi-giam-rui-ro-vi-muc-tieu-phat-trien-ben-vung-8559>.

nghư chưa được coi là một hợp phần chính thống của ngành gỗ. Các cơ chế chính sách và thông tin tin đại chúng thường tập trung ưu tiên vào khối doanh nghiệp. Thông tin về làng nghề, nếu có, thường dính kèm với các hình ảnh của sản phẩm làm từ gỗ tự nhiên, gỗ quý. Vai trò của các làng nghề còn hết sức mờ nhạt trong các chính sách phát triển. Ví dụ Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Chính phủ phê duyệt ngày 1 tháng 4 năm 2021 vừa qua nhấn mạnh về tầm quan trọng về phát triển và bảo vệ rừng, thị trường xuất khẩu, đặc biệt về khía cạnh mở rộng kim ngạch xuất khẩu và các yếu tố cần thiết như nguồn cung gỗ nguyên liệu đầu vào, khoa học công nghệ, tuyên truyền nâng cao nhận thức nhằm đạt được các mục tiêu này.⁷ Về định hướng phát triển đối với mảng công nghiệp chế biến, thương mại lâm sản trong tương lai, Chiến lược kỳ vọng Việt Nam sẽ trở thành “trung tâm sản xuất, chế biến thương mại lâm sản hàng đầu của thế giới thông qua việc thúc đẩy, hình thành được những doanh nghiệp lớn, khu công nghiệp lớn mang tầm cỡ thế giới” và “... đảm bảo cạnh tranh được trên thị trường khu vực và quốc tế.” Chiến lược cũng nhấn mạnh “cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn” và “Tập trung phát triển các mặt hàng sản phẩm có ưu thế cạnh tranh cao và bền vững.” Các hộ sản xuất làng nghề dường như không được đề cập trong các định hướng này. Chiến lược bao gồm các đề án ngành lâm nghiệp đang và sẽ tiếp tục thực hiện trong tương lai. Các đề án này không có các hoạt động về phát triển thị trường nội địa nói chung và các làng nghề gỗ nói riêng.. Trong bản thảo của Đề án Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021-2030 mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đang thực hiện tham vấn với các địa phương và bộ ngành liên quan, mặc dù có đề cập tới thị trường nội địa và làng nghề, vai trò của thị trường nội địa và làng nghề cũng còn rất mờ nhạt. Các cơ chế chính sách định hướng hỗ trợ các hộ làng nghề được đề cập một cách chung chung, ví dụ như: “Tạo công ăn việc làm cho các cơ sở chế biến gỗ quy mô nhỏ, hộ gia đình, đặc biệt là hệ thống làng nghề trong cả nước” hay “Huy động mọi nguồn lực xã hội, thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn triển khai Đề án, trong đó kết hợp thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư công... các Chương trình, dự án hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, làng nghề.” Điều này cho thấy các làng nghề nói riêng và thị trường nội địa nói chung hiện tại chưa nhận được sự quan tâm đúng mức từ các cơ chế, chính sách phát triển ngành.

Cũng giống như mọi ngành kinh tế khác, đại dịch COVID-19 tác động tiêu cực tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ làng nghề. Bối cảnh đại dịch cũng đặt ra câu hỏi lớn về tính chính danh của các hộ tại đây và từ đó cho thấy tính cấp thiết về một chính sách bao trùm nhằm hỗ trợ các hộ tại làng nghề giảm tác động tiêu cực do đại dịch gây ra và rộng hơn là tạo cơ hội phát triển ổn định và bền vững cho hộ trong tương lai.

4.2. Đại dịch tác động tiêu cực tới các hộ nhưng hiện thông tin hạn chế

Khảo sát thực hiện tại 6 làng nghề giúp lột tả được phần nào một số khía cạnh tác động tiêu cực mà đại dịch gây ra đối với các hộ tại các làng nghề này. Các khía cạnh này bao gồm suy giảm hoặc mất nguồn thu, lao động mất việc làm, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí vận chuyển tăng. Các hộ hiện đang đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt là về các khoản vốn vay từ ngân hàng tới hạn hoàn trả. Sức ép trả nợ các khoản vay tới hạn trong bối cảnh không có nguồn thu buộc một số hộ phải tiếp cận với nguồn tín dụng đen tiềm ẩn rủi ro rất lớn cho hộ.

Mặc dù quy mô tác động của đại dịch tới các hộ là không hề nhỏ, đến nay hầu như không có các thông tin về các khía cạnh tác động này. Điều này cho thấy sự lỏng lẻo trong kết nối giữa các hộ làng nghề và các cơ

⁷ Thông tin chi tiết về Chiến lược tham khảo tại: <https://luatvietnam.vn/chinh-sach/quyet-dinh-523-qd-ttg-chien-luoc-phat-trien-lam-nghiep-viet-nam-2021-2030-200559-d1.html>.

quan, tổ chức bên ngoài làng nghề, bao gồm các cơ quan quản lý. Điều này cũng cho thấy làng nghề nói riêng và thị trường nội địa nói chung chưa nhận được sự quan tâm cần thiết từ cơ quan quản lý và truyền thông. Một trong những nguyên nhân dẫn đến lỏng lẻo trong kết nối là do các hộ tại làng nghề còn thiếu các tổ chức đại diện hiệu quả. Đến nay, hoạt động của các hộ còn mang đậm tính tự phát, với các hoạt động sản xuất dựa trên kết nối giới hạn trong phạm vi những người trực tiếp giao dịch với mình. Mặc dù các giao dịch này vượt khỏi phạm vi của làng nghề -- ví dụ sản phẩm của các hộ tại Vạn Điểm, Hữu Bằng được bán nhiều ở các tỉnh phía Nam – các mối quan hệ thương mại này thường giới hạn trong phạm vi giữa các hộ và người mua hàng, hoặc thậm chí chỉ là giữa các hộ và một vài cửa hàng đại lý trong làng đứng ra bao tiêu sản phẩm cho hộ. Các chi hội hiện đã được thành lập tại nhiều làng nghề, tuy nhiên như đề cập ở trên vai trò của các chi hội này hiện còn rất hạn chế. Ngoài ra hầu hết các hộ tại làng nghề vẫn đang nằm ngoài các chi hội này. Kết nối lỏng lẻo hoặc thiếu kết nối bền vững với khách hàng và thị trường làm hộ hạn chế về nguồn thông tin đầu vào, bao gồm cả thông tin về thị trường, thay đổi của thị trường và các nguồn lực từ bên ngoài. Kết nối lỏng lẻo với các cơ quan quản lý làm hộ mất đi cơ hội phản ánh tâm tư nguyện vọng của mình tới các cơ quan quản lý cũng như làm hộ thiếu sự cập nhật thông tin về các cơ chế chính sách có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Kết quả là các kiến nghị của hộ hoàn toàn mờ nhạt trong các diễn đàn về chính sách phát triển của ngành gỗ. Ngoài ra, hạn chế trong kết nối của hộ với cộng đồng doanh nghiệp trong ngành gỗ và các cơ quan, tổ chức bên ngoài cộng đồng làm cho nhận thức và đánh giá của xã hội nói chung và các cơ quan quản lý nói riêng về vai trò và tầm quan trọng của các hộ tại các làng nghề chưa sát thực tế. Đây là thiệt thòi cho các hộ tại các làng nghề.

4.3. Các hộ làng nghề hiện đang thiếu tính chính danh

Theo quy định hiện hành, hộ kinh doanh cá thể là các cá nhân hoặc hộ gia đình được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để tiến hành các hoạt động kinh doanh. Hộ kinh doanh cá thể không có con dấu và chịu trách nhiệm với các hoạt động kinh doanh của mình. Nghị định 22/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 2 năm 2020 quy định về Lệ phí môn bài⁸ quy định các mức đóng lệ phí theo doanh thu của hộ. Ngoài khoản lệ phí này, hộ kinh doanh cá thể cũng phải nộp thuế thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng nếu doanh thu của hộ đạt trên 100 triệu/năm. Điều này được quy định tại Thông tư 40/TT-BTC ngày 1 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính.⁹ Đối với các hộ phải nộp thuế (doanh thu trên 100 triệu/năm), hộ có thể lựa chọn nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc kê khai. Trong cả 2 trường hợp, hộ phải sử dụng hóa đơn lẻ phải lưu trữ và xuất trình cho cơ quan thuế các hóa đơn, chứng từ, hợp đồng, hồ sơ chứng minh hàng hóa hợp pháp khi đề nghị cấp, bán lẻ hóa đơn theo từng lần phát sinh. Tuân thủ đầy đủ các quy định này hình thành tính chính danh cho các hộ, đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ là hợp pháp.

Như đề cập ở trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ tại các làng nghề có quy mô nhỏ lẻ, còn mang đậm nét tính tự phát, hoạt động phi chính thức, tiết kiệm chi phí, tận dụng lao động của gia đình theo hình thức “lấy công làm lãi” theo cách nói của hộ. Hầu hết các hộ không đăng ký thực hiện kinh doanh với cơ quan quản lý, không đăng ký thuế. Hộ không đóng thuế thu nhập và thuế giá trị gia tăng. Các giao dịch cũng hầu như không có chứng từ hoặc hồ sơ giấy tờ để minh chứng cho tính hợp pháp của sản phẩm. Hình thức phổ biến nhất đối với các hộ hiện nay là đóng lệ phí môn bài, với mức đóng thấp nhất nhằm tiết kiệm chi phí. Một số hộ không đóng.

⁸ Thông tin chi tiết xem tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Nghi-dinh-22-2020-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-139-2016-ND-CP-quy-dinh-le-phi-mon-bai-435348.aspx>.

⁹ Thông tin chi tiết xem tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-40-2021-TT-BTC-huong-dan-thue-gia-tri-gia-tang-thue-thu-nhap-ca-nhan-477635.aspx>.

Tính chính danh của hộ là sự công nhận chính thức của các cơ quan quản lý đối về các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ. Tính chính danh này được tạo ra khi hộ tuân thủ với các yêu cầu của luật pháp khi thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Theo pháp luật hiện hành, để có tính chính danh này các hộ tại làng nghề cần đăng ký kinh doanh là hộ kinh doanh cá thể với cơ quan quản lý địa phương, hộ cần đăng ký thuế với cơ quan quản lý thuế, hộ cần tuân thủ các quy định trong các giao dịch và nộp các loại thuế như yêu cầu. Tuy nhiên thực trạng hiện nay tại các làng nghề cho thấy hầu hết các hộ không đáp ứng được các yêu cầu này. Các hộ không có các bằng chứng minh chứng cho sự tồn tại của mình và minh chứng cho tính hợp pháp trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Nói cách khác, sự tồn tại của hộ chưa được pháp luật công nhận một cách chính thức.

4.3. Các chính sách hỗ trợ hiện còn thiếu tính bao trùm

Thiếu tính chính danh dẫn đến kết quả là các hộ luôn nằm ngoài nhóm đối tượng được ưu tiên để nhận hỗ trợ nguồn lực hỗ trợ chính thức của Nhà nước, bao gồm cả hỗ trợ nhằm giảm tác động của đại dịch COVID-19. Tính từ đầu tháng 7 năm 2021 đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 2 nghị quyết nhằm hỗ trợ các nhóm chịu tác động của dịch. Cụ thể, Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 1 tháng 7 quy định về một số chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch. Nghị quyết 105/NQ-CP ngày 9 tháng 9 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh đại dịch. Hộ kinh doanh cá thể nằm trong nhóm được hỗ trợ của cả 2 nghị quyết. Tuy nhiên, cả 2 nghị quyết đều đưa ra quy định rõ ràng rằng “hộ kinh doanh” nằm trong nhóm đối tượng được nhận hỗ trợ là “hộ có đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế theo quy định của pháp luật.”

Mặc dù Chính quyền các địa phương tại các làng nghề đang thực hiện các hoạt động hỗ trợ các nhóm bị tác động tiêu cực bởi đại dịch COVID-19, thiếu tính chính danh làm hộ tại các làng nghề không thể tiếp cận được đối với nguồn hỗ trợ này. Ở góc độ rộng hơn, thiếu tính chính danh làm hạn chế tiếp cận của hộ với các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước và các bên liên quan. Thiếu sự công nhận chính thức của các cơ quan quản lý về sự tồn tại hợp pháp của mình cũng làm các hộ không nhận được sự quan tâm cần thiết từ các cơ quan quản lý và các bên liên quan khác. Điều này làm mất cơ hội tiếp cận các nguồn lực phát triển của các hộ tại làng nghề.

Đại dịch COVID-19 với các hộ làng nghề nằm ngoài danh sách nhóm đối tượng được hỗ trợ đặt ra một số câu hỏi lớn về thực trạng của các hộ làng nghề hiện nay. Ai là người đại diện cho quyền lợi của các hộ trong các làng nghề gỗ trong cả nước hiện nay? Với thực trạng các hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ vẫn mang tính chất phi chính thức và vị thế của các hộ còn chưa được công nhận một cách chính thức, các cơ chế, chính sách của Nhà nước cần được thiết kế và triển khai thế nào để đảm bảo hàng chục nghìn hộ với hàng trăm nghìn lao động tại các làng nghề có thể tiếp cận được với các nguồn lực hỗ trợ và phát triển trong tương lai?

Từ góc độ pháp lý, các hộ thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh cần tuân thủ với các yêu cầu của luật pháp. Tuy nhiên, với hầu hết các hộ tại các làng nghề chưa tuân thủ với các quy định này đặt ra câu hỏi về tính thực tiễn của các yêu cầu của luật pháp hiện nay. Có thể bên cạnh lý do các hộ không muốn chi trả các khoản thuế nhằm tăng thu nhập, các quy định hiện hành về đăng ký, khai báo, lưu trữ các bằng chứng về giao dịch vượt quá khả năng của các hộ. Cũng có thể các hộ cũng chưa được tiếp cận đầy đủ với các thông tin về yêu cầu của pháp luật đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Cũng có thể các hộ cũng chưa có sức ép từ các cơ quan quản lý địa phương trong việc bắt buộc phải tuân thủ với các yêu cầu của pháp luật. Cũng có thể các hộ chưa thấy lợi ích mà các hoạt động tuân thủ có thể mang lại cho mình.

Chính phủ đã đặt ra các ưu tiên để thực hiện chuyển đổi các hoạt động kinh tế phi chính thức như các hoạt động của hộ tại các làng nghề sang các hoạt động chính thức. Tuy nhiên cho đến nay thực hiện các chương trình này vẫn còn nhiều khó khăn.¹⁰ Trong lúc chờ đợi việc chuyển đổi, Chính phủ nên cân nhắc về những cơ chế, chính sách bao trùm hơn. Một chính sách bao trùm với các tiêu chí mở rộng hơn để các hộ làng nghề hiện còn thiếu tính chính danh có thể tiếp cận được với các nguồn lực hỗ trợ không những sẽ giúp hộ giảm bớt khó khăn do đại dịch mà còn giúp mở rộng cơ hộ tiếp cận của hộ đối với các nguồn lực phát triển khác trong tương lai.

4.4. Các hoạt động cần thiết nhằm hỗ trợ làng nghề phát triển bền vững trong tương lai

Trong trung và dài hạn, các cơ quan quản lý và các bên liên quan khác cần thực hiện những hoạt động sau nhằm giúp các làng nghề phát triển bền vững trong tương lai.

Thứ nhất, thực hiện các đánh giá khách quan và khoa học nhằm xác định chính xác vai trò và vị thế của các hộ làng nghề về đóng góp của các hộ tại đây về kinh tế và xã hội. Các kết quả này cần được sử dụng nguồn thông tin đầu vào cho việc xây dựng các cơ chế chính sách cho ngành gỗ nói chung và cho các hộ làng nghề nói riêng.

Thứ hai, tạo các cơ chế kết nối hiệu quả giữa làng nghề và các cơ quan quản lý và các cơ quan liên quan khác. Nhà nước và các bên liên quan, bao gồm cả các Hiệp hội gỗ cần hỗ trợ làng nghề thiết lập các chi hội đại diện cho phần đông số hộ trong các làng nghề, với các hoạt động của các chi hội này thực chất và hiệu quả. Một chi hội hiệu quả không những chỉ là diễn đàn cho trao đổi thông tin giữa các thành viên mà còn cần phải tạo ra liên kết chặt chẽ giữa chi hội và cơ quan quản lý. Liên kết này sẽ giúp chuyển tải các thông điệp chính sách từ các cơ quan quản lý tới hộ và chuyển tải tâm tư nguyện vọng của hộ tới cơ quan quản lý. Liên kết giữa các chi hội làng nghề và các hiệp hội ngành gỗ giúp hộ tiếp cận được với các thông tin thị trường sản phẩm, hình thành cơ hội liên kết giữa hộ và các doanh nghiệp, dẫn dắt hộ trở thành một bộ phận của chuỗi cung. Liên kết hiệu quả giữa các làng nghề và cơ quan quản lý và với các hiệp hội cũng giúp cho việc chuyển tải thông tin về thực trạng của làng nghề tới các bên liên quan khác, như các tổ chức phát triển, các cơ quan thông tấn báo chí, từ đó hình thành các cơ hội phát triển cho các hộ làng nghề.

Thứ ba, cơ chế chính sách hiện nay cần thay đổi theo hướng đơn giản hóa để đảm bảo các yêu cầu pháp lý có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ tiệm cận với bối cảnh và năng lực của hộ, giúp hộ dễ dàng chuyển đổi từ hình thức phi chính thức sang chính thức. Thực hiện các cơ chế chính sách này cũng cần sự hỗ trợ từ bên ngoài. Hiện chính quyền địa phương ở một số nơi như Liên Hà và Hữu Bằng đang trợ giúp các hộ trong việc đăng ký kinh doanh. Bên cạnh việc trợ giúp hộ về thủ tục hành chính cần cũng có các hoạt động hỗ trợ cho các hộ, ví dụ chương trình tín dụng, đào tạo nâng cao tay nghề nhằm giúp hộ chuyển đổi. Thông điệp về lợi ích của hộ trong việc chuyển đổi cần thực chất và chuyển tải rõ ràng tới hộ. Việc chuyển đổi từ phi chính thức sang chính thức chỉ liên quan tới trách nhiệm của hộ (như đóng phí, thuế, báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính) chắc chắn sẽ khó tạo ra động lực để các hộ thực hiện việc chuyển đổi. Chuyển đổi đi kèm với các lợi ích thực chất và trực tiếp cho hộ sẽ lôi kéo được hộ tham gia.

Cuối cùng, với vai trò quan trọng của các hộ các làng nghề như hiện nay, và trong bối cảnh Chính phủ đang thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện (FLEGT VPA) đảm bảo đồ gỗ tiêu thụ tại thị trường gỗ nội địa tuân

¹⁰ Thông tin tham khảo: <https://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/khu-vuc-kinh-te-phi-chinh-thuc-o-viet-nam-thuc-trang-va-khuyen-nghi-336031.html>; <https://nhandan.vn/kinhte/phan-trien-ben-vung-khu-vuc-kinh-te-phi-chinh-thuc-648856/>; <http://consosukien.vn/thong-ke-khu-vuc-kinh-te-phi-chinh-thuc-khuyen-nghi-quoc-te-va-de-xuat-ap-dung-o-viet-nam.htm>.

thủ toàn bộ các yêu cầu của pháp luật, Chính phủ nên ưu tiên thiết kế và thực hiện một chương trình nhằm hỗ trợ các làng nghề chuyển đổi hướng tới phát triển bền vững trong tương lai. Chương trình này cần tập trung giải quyết các tồn tại nêu trong phần 4.1-4.3. Chương trình này cũng cần tạo lập môi trường khuyến khích các doanh nghiệp ngành gỗ liên kết hợp tác với các hộ tại làng nghề. Trong liên kết này, doanh nghiệp có vai trò dẫn dắt, giúp hộ tiếp cận thông tin thị hiếu thị trường sản phẩm, mở rộng sản xuất, tuân thủ với các yêu cầu của pháp luật, chuyển đổi sản phẩm theo hướng tạo sản phẩm thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao. Liên kết này giúp tăng thu nhập và tạo nguồn thu bền vững cho hộ.